

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH

DANH SÁCH

ĐỀ NGHỊ CẤP LẦN ĐẦU THẺ KIỂM TRA THI TRƯỜNG / CẤP LẠI THẺ KIỂM TRA THI TRƯỜNG

(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm của...)

S T T	Họ và tên	Gi ới tí n h	Số hiệu công chức QLTT	Ngày tháng năm sinh	Tên ngạch công chức hiện giữ và mã số ngạch	Chức dan h/ Tên ngạ ch côn g chức c hiện tại	Tháng năm tuyên dụng		Thời hạn sử dụng của Thẻ hiện tại	Trình độ chuyên môn			Đã có chứn g chỉ Bồi dưỡ ng	Ghi chú (Lý do đề nghị cấp lần đầu/cấp lại...)
							Vào QLT T (tháng năm)	Hình th ức lao độ ng		V ă n h ó a	Chuy ên môn nghiệ p vụ	Qu ản lý nh à nư ớc		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Đề nghị cấp lần đầu Thẻ Kiểm tra thi trường													

1	Nguyễn Văn A	Nam	T01.QLTT012	03/11/1970	CVC-01.002	Cục trưởng	10/2012	BC hế			CN Luật	CV	BDN V	Kèm QĐ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo
2	Phạm Thị B	Nữ	T01.QLTT015	05/11/1968	KSVT T-21.189	Đội trưởng	11/2012	BC hế			CN Luật	CV	BDN V	Kèm QĐ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo
II Đề nghị cấp lại Thẻ kiểm tra thị trường														
1	Nguyễn Văn D	Nam	T01.QLTT029	06/11/1979	KSVT T-21.189	Kiểm soát viên TT	10/2011	BC hế	31/10/2020		CN Luật	CV	BDN V	Thẻ hết hạn/Nâng ngạch...
2	Lê Đức V	Nam	T01.QLTT033	08/11/1985	KSVT T-21.189	Phó Đội trưởng	8/2011	BC hế	31/12/2020		CN Luật	CV	BDN V	Thẻ bị hỏng/Mất

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cột số 2 và 4: Lập danh sách theo thứ tự tăng dần của số hiệu công chức (không lập theo đơn vị Phòng/Đội QLTT hoặc chức vụ).

Cột số 5: ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh.

Cột số 6: Ghi đầy đủ tên ngạch công chức, mã số ngạch công chức theo QĐ bổ nhiệm ngạch công chức hiện tại.

Cột số 7: Ghi chức danh lãnh đạo hiện tại đối với người đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo. Ghi ngạch công chức theo Quyết định bổ nhiệm ngạch hiện tại với người chưa được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo.

Cột 8: Ghi cụ thể tháng/năm được tuyển dụng theo Quyết định tuyển dụng làm công chức Quản lý thị trường.

Cột 10: Ghi đầy đủ ngày/tháng/năm là thời điểm hết hạn của Thẻ KTTT công chức đang được cấp, sử dụng (được ghi trên Thẻ KTTT).

Cột 14: Người có chứng chỉ Tiền công vụ QLTT thì ghi "TCV"; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT trước năm 2005 thì ghi "BDNV"; Người có Chứng chỉ BDNV Kiểm soát viên chính thị trường thì ghi KSVC; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch KSV thị trường ghi QLNN KSVTT; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch KSV chính thị trường ghi QLNN KSVCTT; các chứng chỉ khác ghi chung là BDNV...;

Cột 15: Ghi cụ thể lý do đề nghị cấp lại Thẻ; các ghi chú khác.